

QUAN HỆ QUỐC TẾ

QUAN HỆ HOA KỲ - THÁI LAN DƯỚI THỜI CHÍNH QUYỀN BILL CLINTON

TS. Phạm Cao Cường*

Quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan được hình thành từ rất sớm cùng với quá trình xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây tại Châu Á từ giữa thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, phải tới đầu thế kỷ XX, mối quan hệ này mới thực sự bắt đầu. Hiệp ước Thân thiện và Thương mại giữa hai bên ký năm 1833 (sửa đổi năm 1856) đã tăng cường sự hiện diện của Mỹ tại Thái Lan. Năm 1903, Thái Lan đã chi định các đại diện của người Mỹ làm cố vấn nhằm giúp tăng cường hệ thống pháp luật của Thái Lan.

Là một quốc gia nhỏ, Thái Lan phải đối mặt với các mối đe dọa từ bên ngoài. Chính sách đối ngoại của Thái Lan do vậy luôn thể hiện sự linh hoạt với mục tiêu cao nhất là giữ vững độc lập, chủ quyền. Quan điểm giữa “bạn” và “thù” với Thái Lan do vậy cũng chỉ là tương đối. Điều này thể hiện rõ nhất trong quan hệ Thái - Mỹ trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai, khi ban đầu họ coi Mỹ là “bạn” nhưng sau đó là “kẻ thù” khi liên kết với Nhật để tuyên chiến với Anh và Mỹ.

Trong chiến tranh lạnh, Thái Lan coi Mỹ là một “đồng minh” thông qua Thỏa thuận chung Rusk-Thanat ký năm 1962.

Đây được coi là chiếc ô an ninh để bảo vệ Thái Lan trước mối đe dọa của chủ nghĩa cộng sản. Tính thực dụng trong chính sách đối ngoại của Thái Lan dường như không thay đổi khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Sự trở dậy mạnh mẽ của Trung Quốc tại Châu Á buộc Thái Lan phải điều chỉnh lại chính sách đối ngoại của mình nhằm cân bằng quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc.

Những thay đổi trong định hướng đối ngoại

Những thay đổi của tình hình thế giới và môi trường an ninh tại Đông Nam Á vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước đã có tác động sâu sắc tới chính sách đối ngoại của Thái Lan và Hoa Kỳ, cũng như sự tương tác giữa hai quốc gia này. Trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới và sự hình thành một trật tự thế giới mới, Thái Lan đã chủ trương thực thi một chính sách ngoại giao mới nhấn mạnh vào các vấn đề kinh tế. Cùng với việc giải quyết cuộc xung đột ở Campuchia 1979-1991, Thái Lan không còn được coi là quốc gia “tiền tuyến” chống lại chủ nghĩa cộng sản nữa. Thay vào đó, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển kinh tế đã trở thành xu thế chủ đạo

(*) Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

trong quan hệ giữa Thái Lan với các quốc gia thành viên ASEAN. Trên cơ sở đó, năm 1991, Thủ tướng Thái Lan Anand Panyarachun đề xuất ý tưởng thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) trong vòng 15 năm và ý tưởng này đã được các quốc gia khác nhiệt liệt ủng hộ. Mục tiêu của đề xuất này là đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của các quốc gia ASEAN, nhằm giúp “phổ biến những lợi ích của phát triển kinh tế ra toàn bộ khu vực Đông Nam Á”.¹

Những định hướng về kinh tế trong chính sách đối ngoại của Thái Lan tiếp tục được củng cố sau khi lãnh đạo đảng Dân chủ là Chuan Leekpai được bầu làm Thủ tướng vào tháng 9/1992. Sau khi lên nắm quyền, Chuan Leekpai đã tập trung vào bốn mục tiêu, đó là: Tiết tụt thối tham nhũng; giảm bớt quyền lực của Thượng viện được bầu chọn, phi tập trung hóa chính quyền từ Bangkok tới các tỉnh; và thúc đẩy sự phát triển ở nông thôn. Xu hướng này lại tiếp tục được củng cố vào tháng 10/1994, khi nhà kinh doanh Thaksin Shinawatra được bổ nhiệm vào vị trí Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan. Trong phiên họp tổ chức vào cuối năm 1994 nhằm thảo luận về chính sách đối ngoại mới của Thái Lan, tân Bộ trưởng Thaksin đã nhấn mạnh rằng: “*Chính sách đối ngoại của Thái Lan cần phải mang định hướng kinh tế nếu như đất nước muốn tiến kịp sự phát triển của cộng đồng quốc tế. Những tình toán về chính trị và kinh tế cần phải được đưa vào trong*

tất cả các quá trình hoạch định chính sách theo những tỷ lệ khác nhau nhưng kinh tế cần phải được ưu tiên”.²

Ngoài kinh tế, trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Thái Lan cũng có sự thay đổi. Theo đó, chính phủ của Thủ tướng Chuan Leekpai đặc biệt coi trọng quan hệ với các nước ASEAN và coi đây là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình. Ưu tiên này xuất phát bởi tầm nhìn của các lãnh đạo Thái Lan đó là, sau Chiến tranh Lạnh, Thái Lan phải trở thành “trung tâm” của lục địa Đông Nam Á. Cựu Thủ tướng Thái Lan Anand Panyarachun (bị lật đổ vào năm 1991) thậm chí coi Thái Lan là “cửa ngõ tiến vào Đông Dương” đóng vai trò như một trung tâm thương mại, tài chính của cả khu vực. Cũng theo quan điểm này, Thái Lan còn có sứ mệnh hàn gắn sự chia rẽ tại Đông Nam Á vốn được coi là hậu quả của Chiến tranh Lạnh.³

Tương tự như vậy, Thủ tướng Chuan Leekpai lại coi Thái Lan như một “cửa ngõ tài chính của khu vực, đóng vai trò như chiếc cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và thế giới”.⁴ Do vậy, Chuan Leekpai mong muốn biến Thái Lan trở thành một “trung tâm năng động” của toàn bộ khu vực.⁵ Đồng quan điểm với Thủ tướng Chuan Leekpai, cựu Phó Thủ tướng Thái Lan Surin Pitsuwan cũng bày tỏ quan điểm của mình vào năm 1993: “*Chính sách ngoại giao của Thái Lan sẽ tìm kiếm mạnh mẽ việc mở rộng các mối quan hệ thương mại và kinh tế*

ra toàn thế giới. Chính sách đối ngoại “xông xáo” này sẽ biến Thái Lan trở thành số một của thế giới”.⁶

Với định hướng đối ngoại như vậy, Thái Lan chủ trương thực hiện chính sách “can dự xây dựng” với các nước ASEAN, đặc biệt là với Myanmar và Campuchia. Trên cơ sở đó, Thái Lan đã bảo trợ và ủng hộ Myanmar trở thành thành viên của ASEAN. Theo Leszek Buszynski, có ba lý do khiến Thái Lan thay đổi chính sách của mình với Myanmar. Thứ nhất, Myanmar là một quốc gia Đông Nam Á, có vai trò và tầm nhìn nhất định tại khu vực. Thứ hai, Thái Lan lo ngại rằng, nếu Myanmar sụp đổ, điều này sẽ gây ra tác động tiêu cực với an ninh của Thái Lan. Thứ ba, việc tăng cường với Myanmar là nằm trong chính sách “can dự mang tính xây dựng” của Thái Lan.⁷

Tuy nhiên, chính sách “can dự tập thể” của Thái Lan đã bị phe đối lập và một số quốc gia chỉ trích, đặc biệt là Hoa Kỳ bởi họ coi đây là công cụ để ủng hộ cho chế độ quân sự tại Myanmar. Ngoài ra, Bangkok còn bị chỉ trích là tiếp tục duy trì hợp tác với Khmer Đỏ bất chấp các lệnh trừng phạt của Liên Hợp quốc cấm không được buôn bán dầu với nhóm này. Chính vì lẽ đó mà vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước, mối quan hệ giữa Thái Lan, Myanmar và Campuchia đã trở thành nguồn gây căng thẳng trong quan hệ giữa Bangkok và Washington.

Trong quan hệ với các nước lớn, chính sách đối ngoại của Thái Lan thời

kỳ hậu Chiến tranh Lạnh đã trở nên độc lập hơn, tìm cách thoát ly khỏi sự lôi kéo của các cường quốc bên ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ. Để thoát khỏi sự ảnh hưởng này, tháng 5/1991, Thái Lan đăng ký trở thành thành viên của Phong trào không liên kết (NAM) và trở thành thành viên đầy đủ vào tháng 10/1993. Tham gia NAM, Thái Lan hy vọng có thể bảo vệ lợi ích của mình và có thể giúp nước này đóng vai trò quan trọng hơn trong nền chính trị quốc tế.⁸ Không những thế, nó sẽ giúp Thái Lan tiếp cận được các thị trường rộng lớn và có một tiếng nói tập thể lớn hơn trên diễn đàn quốc tế.⁹

Còn trong quan hệ với Trung Quốc, các tính toán chiến lược của Thái Lan đã được thay thế bằng các lợi ích kinh tế. Năm 1993, Thái Lan ký với Trung Quốc một loạt hợp đồng có tổng trị giá lên tới gần 2,5 tỷ USD. Hai bên có kế hoạch xây dựng một tứ giác tăng trưởng bao gồm: miền nam Trung Quốc, miền bắc Thái Lan, Myanmar và Lào. Ngoài ra, Bangkok cũng ra sức tăng cường thúc đẩy quan hệ kinh tế với Nga và Ấn Độ, tạo điều kiện cho nền kinh tế của Thái Lan phát triển theo những định hướng mới.

Những chuyển biến trong quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan

Trong khuôn khổ của môi trường an ninh mới thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan đã có những chuyển biến quan trọng, chuyển đổi từ quan hệ đồng minh gần gũi sang mối quan hệ bình đẳng hơn. Thực tế, không

phải đợi đến khi Thủ tướng Chuan Leekpai lên nắm quyền vào năm 1992, chính phủ của cựu Thủ tướng Chatichai (1988-1991) trước đó đã thực hiện một số điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của mình với Hoa Kỳ. Tháng 12/1988, Chatichai thông báo rằng Thái Lan sẽ theo đuổi một chính sách ngoại giao độc lập hơn và kỳ nguyên “ngả theo chiều gió” sẽ chấm dứt. Điều này có nghĩa rằng sự phụ thuộc của Thái Lan đến từ bên ngoài sẽ dần được loại bỏ và Thái Lan sẽ không còn trông chờ vào các cường quốc bên ngoài để duy trì an ninh của mình. Tháng 7/1989, Thủ tướng Chatichai tuyên bố rằng: “*Chính sách đối ngoại của Thái Lan với Mỹ sẽ chặt chẽ nhưng không gây hấn, hòa nhã nhưng không yếu*”.¹⁰ Còn khi nói về bản chất trong quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan, cựu cố vấn cho Thủ tướng Chatichai là Surakiat Sathirathai đã nhấn mạnh rằng: Bản chất thay đổi của quan hệ Thái - Mỹ có đặc điểm tiên tri từ “mối quan hệ phụ thuộc” dựa trên các vấn đề viện trợ và an ninh sang đặc điểm “đối tác” trong đó tập trung chủ yếu vào các vấn đề kinh tế.¹¹

Một trong những lý do góp phần làm thay đổi bản chất trong quan hệ giữa Thái Lan và Hoa Kỳ đó là tình hình Campuchia đã được giải quyết. Trong giai đoạn 1989-1990, khi quá trình đàm phán về tình hình tại Campuchia còn đang diễn ra, nhiều quan chức Thái Lan đã tuyên bố rằng Hoa Kỳ “không còn liên quan tới an ninh Thái Lan”, hoặc

“Thái Lan không còn được đối xử như là một người em dễ bảo nữa”.¹² Thậm chí, không giống như nhiều nước khác, việc Hoa Kỳ rút quân khỏi căn cứ Subic (Philippines) vào tháng 11/1992 cũng không hề khiến Thái Lan lo ngại. Hai bên vẫn duy trì Thỏa thuận chung Rusk-Thanat ký năm 1962, trong đó Thái Lan được coi như một đồng minh của Hoa Kỳ. Thậm chí, Bangkok vẫn cho phép Bộ Tư lệnh không quân Hoa Kỳ sử dụng các cơ sở của Thái Lan trong cuộc chiến vùng Vịnh.¹³

Sau khi Bill Clinton đắc cử Tổng thống Mỹ, Chính phủ của Thủ tướng Chuan Leekpai (1992-1996) tiếp tục cố gắng duy trì sự độc lập trong quan hệ với Mỹ bất chấp cả hai bên duy trì Thỏa thuận chung Rusk-Thanat ký năm 1962. Việc nhấn mạnh tới mục tiêu kinh tế trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Chuan Leekpai đã làm giảm bớt tầm quan trọng của sự hợp tác an ninh giữa hai bên. Thay vào đó, kinh tế trở thành trọng tâm trong mối quan hệ song phương. Trong thư chúc mừng gửi tới tân Tổng thống Mỹ Bill Clinton, Thủ tướng Chuan Leekpai viết: “*Với tư cách là lãnh đạo của chính phủ dân chủ mới được bầu tại Thái Lan, tôi mong muốn hợp tác chặt chẽ với ngài và chính quyền của ngài nhằm phát triển hơn nữa mối quan hệ thân thiết giữa hai quốc gia và nhân dân hai nước*”.¹⁴

Mặc dù kinh tế trở thành trọng tâm trong quan hệ giữa Mỹ và Thái Lan, song giữa hai nước vẫn còn tồn tại nhiều

vấn đề gây căng thẳng, đặc biệt là vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, buôn bán ma túy, vấn đề Myanmar và Campuchia. Để gây áp lực lên Bangkok đối với việc tăng cường thực thi pháp luật về vấn đề sở hữu trí tuệ, chính quyền Bill Clinton đe dọa sử dụng Hệ thống ưu đãi phổ biến (GSP), thay vì việc sử dụng Phần 301 của Hiệp định thương mại Hoa Kỳ với Thái Lan. Ngoài ra, Thái Lan cũng bị liệt vào danh sách ưu tiên theo dõi 301 (PWL) vì bị quy kết vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.¹⁵

Năm 1994, quan hệ song phương bị đẩy lên căng thẳng khi Washington quy kết thành viên Quốc hội Thái Lan Thanong Siripeechapong có liên quan tới vụ buôn lậu hơn 45 tấn cần sa từ Thái Lan vào Hoa Kỳ trong thời gian từ năm 1973 tới 1987.¹⁶ Phía Hoa Kỳ cũng từ chối cấp thị thực cho lãnh đạo đảng Nước Thái, Vatana Asavahame nhập cảnh vào Mỹ bởi vì nghi ông này có liên quan tới việc buôn bán "các chất bị cấm".¹⁷

Trong khi vẫn còn tồn tại nhiều bất đồng trong quan hệ kinh tế giữa hai bên, thì hợp tác trong lĩnh vực an ninh, quân sự giữa Washington và Bangkok dường như chỉ dừng lại ở mức độ khá thấp. Thực tế, trong 9 tháng sau khi lên cầm quyền, chính quyền Bill Clinton không đưa ra bất kỳ kế hoạch hợp tác nào với Thái Lan. Thậm chí, trong cuộc gặp với Thủ tướng Chuan Leekpai bên lề của hội nghị APEC tại Seattle vào tháng 11/1993, vấn đề an ninh gần như không được đề cập tới. Thay vào đó, các vấn

đề kinh tế song phương lại trở thành nội dung chính trong các cuộc trao đổi giữa Thủ tướng Chuan Leekpai và Tổng thống Mỹ Bill Clinton. Nhận xét về một đồng minh như Thái Lan, Tổng thống Bill Clinton chỉ dùng một từ ngữ rất khiêm tốn là "tốt" khi nói rằng: "*Thái Lan và đặc biệt là Thủ tướng Chuan Leekpai là một đồng minh tốt của Hoa Kỳ. Chúng tôi có mối quan hệ an ninh tốt khôi phục trở lại sau nhiều năm. Họ hợp tác rất chặt chẽ với chúng tôi trong việc chống buôn bán ma túy. Họ ủng hộ tiến trình tái thiết một cách đáng kể ở Campuchia*".¹⁸

Năm 1995, lãnh đạo của đảng Nước Thái (*Chart Thai*), Banharn Silpa-archa trở thành thủ tướng thứ 21 của Thái Lan. Tuy nhiên, quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan dường như vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể. Trong suốt 33 tháng cầm quyền, chính sách của Banharn vẫn là duy trì sự độc lập trong quan hệ với Hoa Kỳ. Thay vì nhấn mạnh trong quan hệ với Hoa Kỳ, Thủ tướng Banharn tập trung vào các quốc gia có đường biên giới chung như: Campuchia, Lào, Myanmar và Malaysia. Trong khi đó, chính sách "*can dự xây dựng*" của Thái Lan với Myanmar lại tạo ra những căng thẳng trong quan hệ với Hoa Kỳ. Để thực thi chính sách này, Thủ tướng Banharn đã tới thăm Myanmar và Trung Quốc vào các năm 1995 và 1996. Banharn đặc biệt ủng hộ cho chính sách "*một Trung Quốc*", thậm chí còn lên tiếng ủng hộ các cuộc tập trận của Trung

Quốc, cũng như các vụ thù tên lửa tại eo biển Đài Loan năm 1996.

Trương tự như vậy, sau khi Bộ trưởng Quốc phòng Chavalit Yongchaiyudh trở thành Thủ tướng Thái Lan vào năm 1996, xu hướng lạnh nhạt với Hoa Kỳ gần như không thay đổi. Cũng giống như Banharn, Thủ tướng Chavalit Yongchaiyudh ủng hộ chính sách cân bằng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Ngoài Hoa Kỳ, Bangkok cũng rất quan tâm tới việc mua vũ khí từ phía Trung Quốc để xây dựng lực lượng quân sự. Năm 1996, Bangkok nhận hỗ trợ quân sự (trị giá khoảng 3 tỷ USD) từ Bắc Kinh.¹⁹ Giống như người tiền nhiệm, Chavalit ủng hộ chính sách tăng cường mối quan hệ thân thiết với quân đội Myanmar. Chavalit cũng thăm Yangon để củng cố mối quan hệ với chế độ quân sự.

Năm 1997, Hoa Kỳ bắt đầu cầm đầu tư vào Yangon và đã cảnh báo Thái Lan vì từ chối không làm tương tự. Bangkok sau đó còn chống lại áp lực từ phía Mỹ, thậm chí còn ủng hộ Yangon gia nhập khối ASEAN. Khi cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á nổ ra, căng thẳng Hoa Kỳ - Thái Lan vẫn tiếp tục lên cao sau khi Washington ủng hộ các biện pháp kinh tế cứng rắn mà IMF áp dụng lên Thái Lan. Căng thẳng có xu hướng gia tăng sau khi Hoa Kỳ phản đối việc thành lập Quỹ Tiền tệ Châu Á do lo ngại nó có thể trở thành một bộ phận cấu thành nên Khối kinh tế Châu Á vốn có thể gây thiệt hại tới lợi ích của Mỹ.

Thái Lan trong chiến lược mới của Hoa Kỳ

Đứng trên khía cạnh của Hoa Kỳ, Washington vẫn coi Thái Lan là một đồng minh chiến lược tại Châu Á. Vai trò của Thái Lan được tái khẳng định sau khi chính quyền Bill Clinton công bố kế hoạch xây dựng một “*Cộng đồng Thái Bình Dương mới*” trong đó nhân mạnh khu vực Châu Á Thái Bình Dương sẽ trở thành ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Trong chuyến thăm tới Seoul vào tháng 7/1993, Bill Clinton tái khẳng định tầm quan trọng của đồng minh, trong đó có Thái Lan “*Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ rằng an ninh tới trước. Ngày nay, năm hiệp ước liên minh của chúng ta với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Thái Lan, và Philippines đều là trục chính của những cam kết đó. Sự hiện diện quân sự trên duyên sẽ tạo ra một khuôn khổ vững chắc để giải quyết các vấn đề an ninh cấp bách nhất của khu vực*”.²⁰

Để thực hiện tầm nhìn mới của Tổng thống Bill Clinton, Hoa Kỳ dự kiến theo đuổi chiến lược quân sự có tên gọi là “can dự hợp tác”.²¹ Chiến lược này sẽ huy động tối đa các nguồn lực của nước Mỹ để thực hiện theo ba phương cách cơ bản: Duy trì lực lượng tiền duyên; xây dựng liên minh vững mạnh; và phản ứng khủng hoảng.²² Với chiến lược này, Hoa Kỳ rất muốn duy trì lực lượng tiền duyên tại Châu Á, trong đó có Thái Lan.

Trên cơ sở đó, tháng 10/1994, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đề xuất với Thái

Lan cho phép các tàu chiến trang bị vũ khí của Mỹ được đồn trú tại Vịnh Thái Lan nhằm phục vụ cho công tác hậu cần để giúp Mỹ đối phó với các sự kiện đột xuất.²³ Nếu đội tàu nhỏ tập trung tại Vịnh Thái Lan, nó sẽ chỉ mất một tuần để tới bán đảo Triều Tiên và mất hai tuần để tới Trung Đông. Với kho khí tài nổi này, Mỹ sẽ không cần phải duy trì một số các căn cứ quân sự tốn kém trên khắp thế giới.²⁴

Ban đầu, Thái Lan bày tỏ thiện chí cho phép các tàu chiến Mỹ được sử dụng các cơ sở tiếp dầu và sửa chữa. Tuy nhiên, kế hoạch này sau đó bị các phe phái trong và ngoài chính phủ lên tiếng chỉ trích vì họ coi đây là một sự vi phạm chủ quyền của Thái Lan.²⁵ Do vậy, Thái Lan phản đối đề xuất của Mỹ. Chính phủ Thái Lan cho rằng, việc cho phép thiết lập một kho vũ trang của Mỹ trên lãnh thổ Thái Lan là không phù hợp bởi vì nước này không muốn tạo ra một sự hiểu lầm giữa các nước láng giềng.²⁶

Đứng từ góc nhìn của Thái Lan, sự phản ứng của Bangkok với yêu cầu của Mỹ cho thấy quyết tâm của chính phủ Chuan Leekpai muốn duy trì một sự độc lập trong chính sách đối ngoại của mình với Mỹ. Mặc dù phản đối đề xuất của Washington, Bangkok vẫn nhấn mạnh rằng Thái Lan sẽ duy trì hợp tác quân sự song phương với Hoa Kỳ, đặc biệt trong các cuộc tập trận chung và đồng ý gửi nhân viên y tế tới Haiti.²⁷

Năm 1995, Hoa Kỳ đã cố gắng cải thiện quan hệ với Thái Lan sau khi

Nhà Trắng công bố *Chiến lược Quốc gia về Can dự và Mở rộng* vào năm 1994,²⁸ cũng như việc công bố *Chiến lược An ninh của Hoa Kỳ đối với khu vực Đông Á Thái Bình Dương* hay còn gọi là *Báo cáo Chiến lược Đông Á (EASR)* vào tháng 2/1995.²⁹ Trong báo cáo EASR, Hoa Kỳ đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ quân sự với Châu Á. Báo cáo của Lầu Năm Góc tuyên bố rằng: “Chúng tôi đang tìm kiếm việc mở rộng mạng lưới các thỏa thuận về tiếp cận tiền định vị khắp toàn bộ khu vực Đông Nam Á nhằm thúc đẩy việc huấn luyện, tập trận và phối hợp hoạt động song phương, từ đó nâng cao khả năng của quân đội Hoa Kỳ trong việc hợp tác với các đồng minh và bạn bè trong các cuộc khủng hoảng”.³⁰

Về viện trợ quân sự, sau Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ vẫn cung cấp hỗ trợ quân sự cho Thái Lan. Tuy nhiên, hầu hết viện trợ của Mỹ cho Thái Lan đều đã bị dừng lại sau khi xảy ra cuộc đảo chính quân sự tại Thái Lan vào năm 1991. Đó là do Thái Lan thực thi chính sách đối ngoại “can dự xây dựng” đối với Campuchia và Myanmar. Năm 1992, chương trình IMET đã được khôi phục trở lại nhưng ở mức khá hạn chế. Số sinh viên Thái Lan nhận học bổng đào tạo quân sự của Mỹ cũng bị giảm đi nhanh chóng. Năm 1993, có khoảng 187 sinh viên Thái tham gia vào các chương trình đào tạo quân sự tại Mỹ. Năm 1994, ngân sách tài chính đã bị cắt tới 50%

xuống còn 875.000 USD và điều này chỉ cho phép Thái Lan gửi các sinh viên tham gia vào các khóa học Đào tạo quân sự chuyên nghiệp (PME) cao cấp, hoặc IMET mở rộng. Tới tháng 8/1994, chính quyền Bill Clinton đã ký và ban bố Đạo luật về các chiến dịch ở nước ngoài, gây tác động tới viện trợ cho Thái Lan do quân đội nước này ủng hộ Khome Đò.³¹ Đây được coi là một biện pháp để đối phó với chính sách “*can dự xây dựng*” của Thái Lan. Năm 1995, Nhà Trắng đã có sự điều chỉnh lại trong viện trợ quân sự dành cho Thái Lan. Theo đó, viện trợ theo chương trình IMET đã tăng lên 1 triệu USD so với mức của năm 1994.³²

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á là một cú đánh mạnh nữa vào mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Thái Lan. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) nhanh chóng cho Thái Lan vay một khoản nợ lên tới 17,2 tỷ USD nhằm bổ sung cho nguồn dự trữ ngoại tệ. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã không thực hiện lời hứa cam kết số tiền hơn 4 tỷ USD đến từ quỹ IMF. Hoa Kỳ cũng phản ứng khá chậm chạp với cuộc khủng hoảng. Thêm nữa, Quốc hội Hoa Kỳ còn từ chối việc cấp hỗ trợ tài chính cho Thái Lan. Kết quả là đồng Bath của Thái Lan bị mất giá và Thái Lan không thể thanh toán hợp đồng mua máy bay F/A-18 với Mỹ, và thậm chí không muốn trả khoản phí 250 triệu USD nếu hợp đồng mua máy bay với hãng Boeing bị hủy bỏ. Với sự giúp đỡ của Lầu Năm Góc, vào tháng 12/1997, Bangkok tuyên bố nước này sẽ hoãn ba

năm cho tới tận năm 2003 kế hoạch mua 8 máy bay chiến đấu trị giá 392,2 triệu USD từ phía Boeing.

Để giảm bớt căng thẳng trong quan hệ song phương, cũng như để tìm cách cứu vãn cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á, tháng 3/1998, Thủ tướng Chuan Leekpai đã thực hiện chuyến thăm Mỹ nhằm thảo luận các vấn đề về an ninh và kinh tế của khu vực. Kết quả, hai bên đã đạt được thỏa thuận theo đó Lầu Năm Góc sẽ mua lại các máy bay F/A-18 mà phía Thái Lan đã đặt hàng của phía Mỹ. Ngoài ra, chính quyền Clinton cũng hứa sẽ cấp một gói trợ cấp 1,7 tỷ USD cho Thái Lan.

Sau chuyến thăm Hoa Kỳ, quan hệ hai nước đã có sự cải thiện tích cực. Thái Lan cần Hoa Kỳ để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính, khôi phục nền kinh tế. Trong khi đó, Hoa Kỳ lại cần Thái Lan với tư cách là một đồng minh để thực hiện chiến lược mới tại Châu Á. Hoa Kỳ vẫn xem mạng lưới các liên minh an ninh với Australa, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc và Thái Lan là hòn đá tảng trong chính sách an ninh của mình với khu vực.³³ Khi đề cập tới vai trò và vị trí của Thái Lan trong chính sách này, Stanley O. Roth, Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ đặc trách về các vấn đề Đông Á và Thái Bình Dương nhấn mạnh: “*Thái Lan là một người bạn cũ và là người ủng hộ các nỗ lực của chúng ta trong khu vực từ thời chiến tranh Triều Tiên. Chúng ta duy trì mối quan hệ - quân sự chặt chẽ với Thái Lan và hướng*

quyền tiếp cận đối với các căn cứ không quân chiến lược khi cần. Thái Lan là đối tác quan trọng trong các nỗ lực chống buôn bán thuốc phiện của chúng ta, cũng như trong các nỗ lực khác như bảo vệ môi trường và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ".³⁴

Bước vào nhiệm kỳ hai của Tổng thống Bill Clinton, vai trò của Thái Lan trong chiến lược an ninh của Mỹ vẫn tiếp tục được khẳng định, đặc biệt là trong *Chiến lược An ninh của Hoa Kỳ dành cho khu vực Đông Á - Thái Bình Dương* năm 1998 hay còn gọi là *Báo cáo chiến lược Đông Á* công bố năm 1998. Trong báo cáo này, Thái Lan được coi là nơi trung chuyển, tiếp nhiên liệu quan trọng cho các chiến dịch quân sự của Mỹ tại nhiều điểm nóng khu vực, bao gồm cả Vịnh A-rập.³⁵ Báo cáo cũng nhấn mạnh vai trò của các cuộc tập trận quân sự giữa Mỹ và các bạn bè, đồng minh trong đó có Thái Lan.³⁶ Thực tế, hàng năm, hai bên vẫn tổ chức ít nhất 35 cuộc tập trận chung, bao gồm: Cobra Gold, Cope Tiger, Freedom Banner, Frequent Storm và RIMPAC. Những cuộc tập trận này được tổ chức từ năm 1982, bị hoãn lại vào năm 1992 do Washington phản đối việc quân đội lên nắm quyền tại Thái Lan. Tới năm 1998, các cuộc tập trận quân sự giữa hai bên mới được khôi phục. Mục đích của những cuộc tập trận này là tăng khả năng sẵn sàng hợp tác của lực lượng quân sự Mỹ, Thái Lan trong việc duy trì hòa bình và ổn định tại khu vực

Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan

Không giống như quan hệ Hoa Kỳ - Philippines (mà ở đó Trung Quốc là tác nhân thúc đẩy quan hệ song phương), nhân tố Trung Quốc lại góp phần vào sự tan rã trong quan hệ giữa Hoa Kỳ - Thái Lan. Trong bối cảnh thời hậu Chiến tranh Lạnh, do không còn tồn tại mối đe dọa trực tiếp, Thái Lan đã tìm cách duy trì quan hệ chiến lược với Trung Quốc, đặc biệt là hợp tác quân sự.

Trong nhận thức của Bangkok, sau Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc không phải là mối đe dọa tới an ninh quốc gia của Thái Lan nữa. Thay vào đó, họ tìm cách tăng cường quan hệ với Trung Quốc để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và tạo ra một sự cân bằng quyền lực tại Đông Nam Á. Thái Lan thậm chí còn coi việc tăng cường quan hệ với Bắc Kinh là để thực thi chiến lược "*can dự xây dựng*" của mình đối với các quốc gia láng giềng, trong đó có Myanmar và Campuchia.

Với ý đồ đó, năm 1994, Bangkok từ chối đề xuất của phía Mỹ muốn triển khai các kho vũ khí dự trữ trong vịnh Thái Lan. Những bài học kinh nghiệm trong quan hệ với các nước lớn từ thời Chiến tranh Lạnh đã dạy cho Bangkok một bài học rằng, việc duy trì quan hệ tốt với Bắc Kinh sẽ mang lại lợi ích cho Thái Lan, nhất là khi nước này đang phải đối mặt với nhiều căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung. Không những thế, việc Thái Lan tăng cường quan hệ với Bắc Kinh còn giúp Bangkok mở rộng ảnh

hương của mình tại Đông Nam Á lục địa, góp phần thực thi chính sách “can dự xây dựng” với các nước láng giềng.

Ở một khía cạnh khác, Thái Lan nhận thức được rằng liên minh Hoa Kỳ - Thái Lan không phải lúc nào cũng êm ả. Trong quá khứ, đặc biệt là trong những năm 1960, Bangkok đã nhiều lần nghi ngờ rằng Hoa Kỳ chỉ là một “con hổ giấy” khi Washington lưỡng lự hành động trong cuộc xung đột biên giới giữa Thái Lan với các nước láng giềng. Thậm chí, nhiều lãnh đạo Thái vào thời điểm đó còn tỏ ý nghi ngờ về “chiếc ô an ninh” của Mỹ cũng như vai trò của nước này với tư cách là người bình ổn và duy trì an ninh tại khu vực. Chính vì lý do này mà Thái Lan gây sức ép lên Hoa Kỳ để ký Thông cáo chung Rusk-Thanat vào 1962. Đây được coi là một thỏa thuận an ninh từ phía Mỹ trong trường hợp Thái Lan có xung đột.

Để thực hiện chiến lược mới, Thái Lan tìm cách thích nghi với Trung Quốc và tránh xung đột với các nước láng giềng ở phương Bắc. Không những thế, Thái Lan còn khuyến khích Trung Quốc duy trì vai trò, tiếng nói của mình trong các vấn đề ở Đông Nam Á. Về hợp tác quân sự, trong suốt những năm 1990, Thái Lan đã tăng cường hợp tác quân sự với Bắc Kinh thông qua việc trao đổi, mua bán vũ khí và tiến hành các chuyến thăm chính thức giữa lãnh đạo và quan chức hai bên.

Về những căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung, Bangkok chủ trương

không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, bao gồm vấn đề Đài Loan và nhân quyền. Đối với vấn đề Đài Loan, Thái Lan ủng hộ chính sách “một Trung Quốc” và không can thiệp. Trong suốt cuộc khủng hoảng tại eo biển Đài Loan năm 1995-1996, thay vì ủng hộ Mỹ, Thái Lan lại ngả theo Trung Quốc. Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan lúc đó đã đặt câu hỏi rằng: “*Khi một quốc gia tiến hành các cuộc tập trận quân sự trên lãnh thổ của mình nhằm ngăn chặn một tình lý khai thì bạn sẽ phản đối hay không?*”³⁷

Năm 1999, trước tuyên bố của Lý Đăng Huy xác nhận quan hệ qua eo biển Đài Loan là mối quan hệ “nhà nước với nhà nước”, Thái Lan một lần nữa lên tiếng khẳng định nhất quán chính sách “một Trung Quốc”, một chủ trương mà Bangkok theo đuổi từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1975.³⁸ Đối với những tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông, Thái Lan thường tránh né đưa ra tuyên bố bày tỏ sự cảm thông hoặc chỉ trích bất kỳ bên tranh chấp nào. Trong khi một số nước Châu Á coi Trung Quốc là một “mối đe dọa” hoặc bày tỏ quan ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc, Thái Lan lại ủng hộ vai trò của Trung Quốc ở Đông Nam Á cũng như trên trường quốc tế. Năm 1999, phát biểu trong buổi họp báo tại Bangkok, cựu Thủ tướng Anand Panyarachum (vốn là người ủng hộ việc thiết lập quan hệ Trung Quốc - Thái Lan vào năm 1975) đã tuyên bố rằng

không có lý do gì mà các quốc gia Châu Á phải sợ Trung Quốc.³⁹ Theo ông: “*Thái Lan cần phải giúp đỡ tăng cường vai trò của các nước lớn tại khu vực, đặc biệt là Trung Quốc nhằm duy trì một sự cân bằng quyền lực với Mỹ... Thái Lan cần khuyến khích Trung Quốc, một quốc gia Châu Á, bắt đầu đóng vai trò lớn hơn trước*”.⁴⁰

Cũng trong năm 1999, Thái Lan ký với Trung Quốc bản “*Kế hoạch hành động cho thế kỷ XXI*”. Kế hoạch là một khuôn khổ hợp tác toàn diện, bao gồm các lĩnh vực hợp tác như: chính trị, kinh tế, an ninh, xã hội, khoa học và văn hóa. Khi đánh giá về quan hệ Trung-Thái, Rober Karniol, biên tập viên mục Châu Á - Thái Bình Dương của tập san *Jane's Defence Weekly*, đã nhận xét rằng: “*Người Thái đã và đang xây dựng mối quan hệ gần gũi hơn với Trung Quốc. ở một mức độ mà họ hiểu rằng cần phải xác định Trung Quốc là một cường quốc thống trị khu vực*”.⁴¹ Có thể nói, đây chính là lý do góp phần làm giảm mối quan hệ thân thiết hơn giữa Thái Lan và Hoa Kỳ.

Kết luận

Nói tóm lại, dưới thời chính quyền Bill Clinton, do cả những lý do khách quan lẫn chủ quan, quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan trải qua nhiều thử thách. Do tập trung vào mục tiêu phát triển kinh tế mà hợp tác an ninh giữa Hoa Kỳ và Thái Lan có phần bị giới hạn. Mặc dù Thái Lan là một đồng minh của Mỹ trong suốt thời Chiến tranh Lạnh, song do sự thay đổi của môi trường an ninh (sự

chấm dứt Chiến tranh Lạnh, vấn đề Campuchia được giải quyết) đã đưa tới sự thay đổi trong quan hệ của Thái Lan với Hoa Kỳ. Theo đó, Thái Lan đã từ bỏ chính sách truyền thống “*ngà theo chiều gió*” để duy trì một mối quan hệ độc lập với Mỹ.

Ngoài ra, để thực thi chính sách “*can dự xây dựng*”, Thái Lan đã ra sức củng cố và mở rộng mối quan hệ với các quốc gia láng giềng, đặc biệt là với Trung Quốc, nhằm tạo ra một sự cân bằng trong quan hệ với Hoa Kỳ. Rõ ràng, nhân tố Trung Quốc đã góp phần làm giảm sự kết dính trong mối quan hệ giữa Bangkok và Washington. Tuy nhiên, đối với Hoa Kỳ, Thái Lan vẫn có một vị trí khá quan trọng, nhất là khi chính quyền Bill Clinton chủ trương kế hoạch xây dựng một “*Cộng đồng Thái Bình Dương mới*”, chuyển trọng tâm chiến lược từ Châu Âu sang Châu Á.

Ngoài ra, với tầm quan trọng về vị trí địa chiến lược của Thái Lan tại Đông Nam Á và nhất là trong chiến lược triển khai tiền duyên, Washington thấy được sự cần thiết phải tăng cường mối quan hệ đồng minh với Thái Lan thông qua các cuộc tập trận và viện trợ quân sự. Quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan đã thực sự được cải thiện trong nhiệm kỳ thứ hai của chính quyền Tổng thống Bill Clinton ■

Chú thích.

- ¹ “Premier Calls for Support for AFTA,” *Bangkok Post*, 5 November 1991.
- ² Sinfah Tunsarawuth, “Thai Foreign Policy 'needs economic focus',” *Straits Times*, 25 December 1994.

- 3 *Bangkok Post*, 18 August 1992. Also see Anand Panyarachun, "Thailand Open Society, Dynamic Society," *Thailand Foreign Affairs Newsletter*, August 1992, 9.
- 4 *Bangkok Post*, 11 March 1993.
- 5 New Government Aims to Make Country Region's 'Active Centre of Gravity'," *Straits Times*, 30 September 1992.
- 6 "Surin in Aggressive Foreign Policy Patch," *Bangkok Post*, 4 January 1993.
7. Leszek Buszynski, "Thailand's Foreign Policy Management of a Regional Vision," *Asian Survey* 34, no. 8 (August 1994) 729-730.
- 8 "Surin - NAM' Can be Used to Protect Thailand's Interests," *Bangkok Post*, 14 August 1993
9. Kusumá Snitwongse, "Thailand in 1993: Politics and Survival," *Asian Survey* 34, no. 2 (February 1994): 151.
- 10 "Premier Stresses Positive Ties With Neighbours," *Bangkok Post*, 25 July 1989.
- 11 Kanjana Spindler, "Chatchai Looks to Future of Thai-US Relations," *Bangkok Post*, 11 June 1990.
- 12 Beszek Buszynski, "Thailand's Foreign Policy Management of a Regional Vision," *Asian Survey* 34, no. 8 (August 1994): 735.
- 13 Như trên
- 14 "Chuan Congratulates Clinton on Success," *Bangkok Post*, 6 November 1992
- 15 Florence Chong "Thai Deputy Prime Minister Surprised at US Protectionist Policies," *Business Times Singapore*, 14 July 1993
- 16 William Branigin, "Thai Parliament bristles at US drug allegations," *Washington Post*, 2 June 1994
- 17 "US Drug Agency Says It Has Information," *Bangkok Post*, 6 July 1994.
- 18 "Chuan Asks Clinton to Drop Thailand from Trade Sanctions Threat," *Bangkok Post*, 20 November 1993
- 19 Paul Chambers, "US-Thai Relations After 9/11. A New Era in Cooperation?," *Contemporary Southeast Asia* 26, no. 3 (December 2004). 462
- 20 Strobe Talbott, "Building a New Foundation for Peace, Prosperity, and Democracy in the Asia-Pacific Region," Statement by Deputy Secretary Talbott at the Six-plus-Seven Open Session of the ASEAN Post-Ministerial Conference, Bangkok, Thailand, July 26, 1994, *US Department of State Dispatch* 5, no. 32 (August 1994) See more "Fundamentals of Security for a New Pacific Community," President Clinton's Speech before the National Assembly of the Republic of Korea, July 10, 1993, *US Department of State Dispatch* 4, no. 29, July 19, 1993.
21. Charles R Larson, "FY 95 Defense Authorization," Statement of Admiral Charles R. Larson, US Navy Commander in Chief United States Pacific Command Before the Senate Armed Services Committee Posture Hearing, 2 March 1994
22. Như trên
- 23 Michael Richardson, "Thais Reject Proposal, While Indonesia and Malaysia Seem Negative Asians Rebuff US on Basing Supply Shps for Crises," *The New York Times*, 8 November 1994.
- 24 Felix Soh, "US Plan for Floating Arsenal Still Alive," *Straits Times*, 12 December 1994
25. Như trên.
26. "Thailand Rejects US Approach on Floating Arms Depot," *Asian Political News*, 7 November 1994
27. "Như trên.
- 28 *The White House, A National Security Strategy of Engagement and Enlargement* (Washington D.C. The White House, February 1995), 7.
- 29 US Department of Defense, *United States Security Strategy for the East Asia-Pacific Region* (Washington, D.C.. US Department of Defense, February 1995).
- 30 Như trên
31. Adam Schwarz, "Thailand - Strings Attacked: US Conditions on Military Aid Rankle Thais," *Far Eastern Economic Review*, 15 September 1994.
- 32 "US Rewards Thailand for Distancing Itself from Khmer Rouge," *Bangkok Post*, 30 December 1994
- 33 Stanley O. Roth, "US Security Interests in Asia," Testimony of Stanley O. Roth, Assistant Secretary of State for East Asian and Pacific Affairs, House International Relations Committee Asian and the Pacific Committee, 7 May 1998.
- 34 Như trên
- 35 US Department of Defense, *The United States Security Strategy for the East Asia - Pacific Region 1998* (Washington, D.C.. Department of Defense, November 1998), 12
- 36 Như trên, 14-15.
- 37 "One-China Policy Supported by Banham Ahead of Beijing Visit," *Bangkok Post*, 13 March 1996.
- 38 "Jiang Upbeat on Future Ties with Region," *The Nation*, 4 September 1999. "China's Jiang Winds Up Tough-Talking Thai Tour with Break in Paradise," *Agence France-Presse*, 5 September 1999
- 39 Kulachada Charpipat, "Thais Told to Aid China on Global Stage," *The Nation*, 27 August 1999.
- 40 Như trên
- 41 Sutin Wannabovorn, "China's Jiang to Cement Relations with Thai Visit," *Reuters News*, 2 September 1999